

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **331/2020/HSST**

Ngày 30/9/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Văn Tú
- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Lập Tiến; Ông Bùi Ngọc Thảo.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Việt Bắc; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 313/2020/HSST, ngày 16/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2020/QĐXXST-HS ngày 19/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Xuân T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1978, tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk Nơi cư trú: thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Là: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Họ và tên cha: Đặng Văn L, sinh năm 1951; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; Bị cáo có 04 anh, em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1978 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn nhất, sinh năm 2005, con nhỏ nhất, sinh năm 2008; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo để tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 03/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Ông Lương Văn C; Sinh năm: 1963;

Trú tại: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lương Văn T; Sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Ông Lưu Văn D; Sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn 6a, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3. Ông Trần Văn D (D1); Sinh năm 1960.

Trú tại: Nguyễn Tất T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm 1953. Trú tại: Nguyễn Lương B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

***Người làm chứng:**

Anh Lục Văn H; Sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 8A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Anh Lương Văn H (H1); Sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 5B xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phùng Văn H – Văn phòng luật sư Thái Thanh H; Địa chỉ: Khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ông Lương Văn C (sinh năm 1963) có con trai là anh Lương Văn T (sinh năm 1991) cùng trú tại: Thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đã tốt nghiệp cử nhân ngành sư phạm vật lý của Trường Đại học Tây Nguyên nhưng chưa có việc làm. Vào năm 2017, thông qua mối quan hệ quen biết với ông Lưu Văn D (sinh năm 1967, trú tại: Thôn 6A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) ông C nhờ ông D hỏi thăm và liên hệ xin việc làm giáo viên môn vật lý trong biên chế Nhà nước cho anh Lương Văn T tại các trường phổ thông cơ sở hoặc phổ thông trung học trên địa bàn Buôn Ma Thuột. Khoảng đầu tháng 9/2017, ông D đến Trường Phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột để xin cho cháu đi học, thì quen biết với ông Trần Văn D (D1) (sinh năm 1960, trú tại: Nguyễn Tất T, phường T, thành phố B, là cán bộ của Trường Phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên) và nhờ ông D1 xin

việc làm cho anh T. Do trong quá trình công tác, ông D1 có quen biết với Đặng Xuân T, là giáo viên dạy môn Toán tại Trường Phổ thông trung học Krông Ana thuộc huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, nên ông D1 đã gọi điện thoại và đặt vấn đề nhờ T xin việc cho anh Lương Văn T. Lúc này, do đang cần tiền tiêu xài cá nhân và chữa bệnh cho mẹ là bà Nguyễn Thị t (sinh năm 1953, trú tại: Hẻm 34 Nguyễn Lương B, phường T, thành phố B) nên T đã nói dối với ông D1 là có khả năng xin được việc và yêu cầu ông D1 hẹn ông C chuẩn bị hồ sơ xin việc để T gặp trực tiếp gặp trao đổi về việc xin việc làm cho anh Lương Văn T. Sau đó, ông C mang theo 01 bộ hồ sơ xin việc làm của anh Lương Văn T cùng ông D1 đi đến quán cà phê của gia đình ông Trần Văn D, tại địa chỉ: Nguyễn Tất T, phường T, thành phố B, gặp T để trao đổi. Tại phòng khách của nhà ông D1, để ông C tin tưởng Đặng Xuân T đã nói dối ông C là có mối quan hệ quen biết với cán bộ công tác ở Sở Giáo dục, Đào tạo tỉnh Đắk Lắk và có người nhà làm tại Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nên có khả năng quyết định trong việc tuyển dụng giáo viên vào biên chế Nhà nước tại các trường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với chi phí là 200.000.000 đồng, thì ông C đồng ý và đưa trước 01 bộ hồ sơ của anh Lương Văn T và hẹn vài ngày sau sẽ đưa tiền cho T. Khoảng 10 giờ ngày 16/9/2017, ông C cùng với anh Lương Văn T, ông D và anh Lục Văn H (sinh năm 1989, trú tại: Thôn 8A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là con rể của ông C) đi đến gặp T tại phòng khách nhà ông D1, địa chỉ: Nguyễn Tất T, phường T, thành phố B, để trao đổi về việc xin việc làm cho anh Lương Văn T, thì ông C và T thỏa thuận: T sẽ xin việc cho anh Lương Văn T làm giáo viên thuộc biên chế Nhà nước tại các trường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với chi phí là 200.000.000 đồng, thì ông C đồng ý và đưa cho T thêm 01 bộ hồ sơ xin việc làm của anh T cùng số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã viết 01 giấy vay tiền với nội dung T có mượn của ông C số tiền 200.000.000 đồng, rồi đưa cho ông C để làm tin và hẹn khoảng 02 tuần sau sẽ xin được việc làm cho anh Lương Văn T, rồi đi về trước. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông C, T không tiến hành xin việc làm cho anh T như đã thỏa thuận mà đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị T số tiền 110.000.000 đồng để bà Nguyễn Thị T khám, chữa bệnh và tiêu xài cá nhân hết số tiền còn lại. Khi đến thời gian đã hẹn, T vẫn chưa xin được việc làm cho anh Lương Văn T, nên ông C đã nhiều lần gọi điện thoại và gặp T thì T tiếp tục đưa ra những thông tin gian dối về việc đã liên hệ với những người có khả năng để xin việc làm cho anh Lương Văn T. Khoảng đầu năm 2018, do bị ông C liên tục hỏi thúc, nên T nói dối là đã xin được cho anh T vào làm giáo viên tại Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thì anh T lên thuê nhà ở tại thành phố Buôn Ma Thuột được hơn 01 tháng, nhưng vì không có Quyết định tuyển dụng nên lại đi về nhà.

Sau đó, ông Lương Văn C đã nhiều lần gọi điện thoại cho T để đòi lại tiền, nhưng T vẫn hứa chắc chắn sẽ xin được việc cho anh Lương Văn T và để ông C tin tưởng T đã viết các giấy cam đoan, cam kết cụ thể như sau: “Giấy cam đoan” vào ngày 11/3/2018 với nội dung “*cam đoan với gia đình nhà em Lương Văn T đến trước năm học 2018-2019 sẽ lo xong công việc cho em Lương Văn T về huyện E*”; “Giấy cam kết” vào ngày 01/4/2019 với nội dung “*Tôi có nhận của gia đình em Lương Văn T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để lo việc, nay 01/04/2019 hẹn gia đình em Lương Văn T đến 10/4/2019 hoàn thành. Nếu không đúng hẹn thì đúng ngày 12/4/2019 tôi sẽ thu sếp hoàn trả đầy đủ*”. Đến ngày 04/5/2019, T vẫn chưa xin được việc cho anh Lương Văn T nên để ông C tiếp tục tin tưởng và không yêu cầu trả lại tiền, T đã tự nguyện viết “Giấy vay nợ” với nội dung: “*Thành đã nhận của gia đình em Lương Văn T ở thôn 3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 500.000.000 đồng để lo công việc cho em Lương Văn T, hẹn gia đình em T đến ngày 01/8/2019 sẽ lo xong việc, nếu không xong việc sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên*”. Sau đó, do T vẫn không xin được việc cho anh Lương Văn T và liên tục bị ông C hỏi thúc trả lại tiền, nên T đã đem 02 bộ hồ sơ hồ sơ xin việc của anh Lương Văn T nộp vào Trường Hoàng Việt, địa chỉ: 42 Phạm H, phường T, thành phố B và Trường Trung cấp Trường Sơn, địa chỉ: 164 Phan Chu T, phường T, thành phố B, để xin việc cho anh Lương Văn T, nhưng do đây là các trường tư nhân không đúng như đã thỏa thuận, nên ông C và anh Lương Văn T không đồng ý. Ngày 04/9/2019, sau nhiều lần cam kết và hứa hẹn nhưng T vẫn chưa xin được việc cho anh T, nên ông C cùng với anh Lương Văn T, ông Lưu Văn D và anh Lương Văn H (sinh năm 1991, trú tại: Thôn 5B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là cháu ruột của ông C) đến phòng trọ của T tại địa chỉ: thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để đòi lại số tiền đã đưa thì T tiếp tục viết “Giấy cam kết”, hẹn đến ngày 11/9/2019 sẽ trả cho ông Lương Văn C tổng số tiền 250.000.000 đồng (tính cả tiền gốc và tiền lãi), nhưng đến ngày hẹn T vẫn chưa trả lại tiền cho ông C, nên ngày 07/10/2019, ông Lương Văn C đã làm đơn tố cáo Đặng Xuân T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên.

Quá trình xác minh, ông Lương Văn C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy vay tiền đề ngày 16/9/2017; 01 giấy cam đoan đề ngày 11/3/2018; 01 giấy cam kết đề ngày 01/4/2019; 01 giấy vay nợ đề ngày 04/5/2019 và 01 giấy cam kết đề ngày 04/9/2019, để phục vụ công tác điều tra. (BL: 166-167; 174-178)

Tại Bản kết luận giám định số 154/PC09 ngày 06/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Đặng

Xuân T dưới các mục: “Người vay tiền” trong giấy vay tiền đề ngày 16/9/2017; “Người viết giấy” trong giấy cam đoan đề ngày 11/3/2018; “Người viết” trong giấy cam kết đề ngày 01/4/2019; “Người vay” trong giấy vay nợ đề ngày 04/5/2019; “Người viết” trong giấy cam kết đề ngày 04/9/2019, so với chữ ký, chữ viết của Đặng Xuân T trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số 322/KSĐT-HS ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Đặng Xuân T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Đặng Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả và thừa nhận do đang cần tiền tiêu xài cá nhân và chữa bệnh cho mẹ là bà Nguyễn Thị T nên khi ông C đến nhờ bị cáo xin việc cho con, mặc dù biết rằng mình không có khả năng xin được việc nhưng bị cáo đã nói dối với ông C là sẽ xin được việc cho con ông C vào dạy tại các trường của Nhà nước tại thành phố Buôn Ma Thuột. Bị cáo đã nhận của ông C số tiền 200.000.000đ nhưng bị cáo đã không xin việc làm cho con ông C mà dùng vào việc cá nhân hết.

Người bị hại ông Lương Văn C khai: Vào năm 2017 thông qua ông Lưu Văn D và ông Trần Văn D1 ông đã gặp bị cáo Đặng Xuân T, bị cáo cho biết có khả năng xin được việc cho con ông là anh Lương Văn T vào dạy học tại trường Nhà nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Bị cáo yêu cầu ông đưa hồ sơ, kèm theo số tiền 200.000.000đ và cam kết sau 15 ngày sẽ xin được việc cho con ông. Tuy nhiên, hết thời hạn mà bị cáo cam kết vẫn chưa xin việc, ông đã nhiều lần yêu cầu bị cáo không xin nữa mà trả lại tiền nhưng bị cáo vẫn cam đoan 100% sẽ xin được việc, bị cáo còn viết giấy cam kết nếu không xin được việc sẽ bồi thường cho ông 500.000.00đ nhưng cho đến nay bị cáo vẫn không xin được việc cho con ông. Quá trình điều tra thì bị cáo và gia đình mới trả cho ông 150.000.000đ. Nay ông yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền 50.000.000đ còn lại.

Bà Nguyễn Thị T khai bà là mẹ của bị cáo T, năm 2017 bà bị bệnh nặng phải điều trị tại bệnh viện, T có đưa cho bà 110.000.000đ để chữa bệnh và nói rằng tiền của T. Năm 2019 T bị khởi tố về hành vi lừa đảo thì bà mới biết tiền đó không phải của T. Quá trình điều tra T và gia đình bà đã trả được cho ông C 150.000.000đ. Số tiền còn lại gia đình sẽ cố gắng hoàn trả lại cho ông C trong thời gian sớm nhất.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột thực hành quyền công tố tại phiên toà sau khi đưa ra các căn cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1,

khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Xuân T mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về phần dân sự của vụ án: Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Xuân T đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 106.000.000 đồng và tác động mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T bồi thường cho gia đình ông Lương Văn C số tiền là 44.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 50.000.000 đồng cho ông Lương Văn C.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh và các điều luật mà đại diện viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, luật sư còn trình bày thêm nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo một phần do hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo bị bệnh nặng, vợ chồng thì ly tán, một mình nuôi hai con nhỏ. Trong suốt quá trình công tác gần 20 năm bị cáo đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được công nhận là giáo viên dạy giỏi. Quá trình điều tra bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và khắc phục được phần lớn thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, luật sư đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt đối với bị cáo để bị cáo sớm được trở về đời sống xã hội, làm người có ích cho xã hội.

Bị cáo không bào tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Tp. Buôn Ma Thuột. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận

vào vào ngày 16/9/2017 Đặng Xuân T đã dùng thủ đoạn gian dối là tự giới thiệu có khả năng xin cho con ông Lương Văn C là anh Lương Văn T vào làm giáo viên thuộc biên chế Nhà nước tại các trường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nhưng thực tế bị cáo đã không xin việc ở đâu mà lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Lương Văn C số tiền 200.000.000 đồng và đã sử dụng vào việc các nhân hết. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự xã hội, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo là người phát triển bình thường cả về thể lực cũng như trí lực. Bị cáo đã nhận thức được mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi cá nhân muốn có tiền một cách nhanh chóng, mặc dù biết mình không có khả năng xin việc nhưng đã lừa dối ông Lương Văn C để xin việc cho con trai là anh Lương Văn T vào làm giáo viên thuộc biên chế Nhà nước nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện bồi thường khắc phục được phần lớn hậu quả cho bị hại và được bị hại là ông Lương Văn C làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; Bản thân bị cáo trong thời gian công tác cũng có những thành tích tốt trong công tác nhà trường ghi nhận. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo một phần do hoàn cảnh tác động, mẹ bị cáo

bị bệnh nặng, vợ chồng thì ly tán, một mình nuôi hai con nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS cần vận dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nên cần chấp nhận đề nghị của viện kiểm sát cũng như lời bào chữa của luật sư, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 1 khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra, xác minh, bị cáo Đặng Xuân T đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 106.000.000 đồng và tác động mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T bồi thường cho gia đình ông Lương Văn C số tiền là 44.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Cầu yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 50.000.000 đồng cho ông Lương Văn C.

Trong vụ án này, đối với các ông Lưu Văn D, Trần Văn D1 là những người giới thiệu bị cáo Đặng Xuân T cho ông Lương Văn C để liên hệ xin việc, nhưng ông D và ông D1 không hưởng lợi trong vụ việc trên và không biết việc bị cáo T gian dối để Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị T là người nhận số tiền 110.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có, nhưng bà T không biết việc Đặng Xuân T Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có, nên không đề cập xử lý, là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Đặng Xuân T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt bị cáo **Đặng Xuân T 05 (Năm) năm** tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (03/06/2020).

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 1 khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Xuân T phải tiếp tục bồi thường số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho ông Lương Văn C.

Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân T phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Bị cáo;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Tú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

